

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI -TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh; bà Lê Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2021/TLST- HNGĐ ngày 03-6-2021 về tranh chấp: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-7-2021, Quyết định về việc hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST- HNGĐ ngày 30-7-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hương T, sinh năm: 1983 - Có mặt.

Bị đơn: Anh Chu Đình N, sinh năm: 1971- Vắng mặt.

Cùng HKTT: Tổ x, phường M, thành phố Y, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-5-2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương T trình bày:

Chị và anh Chu Đình N đăng ký kết hôn ngày 26-8-2016 tại UBND phường Đ, thành phố Y, tỉnh Y trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5-2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình, vợ con và còn đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị. Mâu thuẫn đã được hai bên và gia đình hòa giải nhưng không được. Chị T và anh N đã ly thân từ tháng 5-2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Chu Bích Th, sinh ngày 28-x-2016. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 27-5-2021 chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và yêu cầu anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Th 2.000.000 đồng/tháng. Tại biên bản hòa giải ngày 21-6-

2021, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai bổ sung ngày 29-6-2021 và tại phiên tòa, chị T thay đổi ý kiến, đề nghị giao cháu Th cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28-5-2021 và tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn anh Chu Đình N trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5-2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Tuy nhiên, anh cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn, anh xác định tình cảm với chị T vẫn còn và đề nghị được đoàn tụ. Tại phiên hòa giải ngày 21-6-2021, anh mong muốn được đoàn tụ nhưng nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có một con chung là Chu Bích Th, sinh ngày 28-x-2016. Anh N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hương T và anh Chu Đình N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Y, tỉnh Y ngày 26-8-2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết, các đương sự đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5-2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và đã sống ly thân từ tháng 5-2021 đến nay. Anh N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn được đoàn tụ nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai và đã tổng đạt hợp lệ cho anh N nhưng anh N không có mặt thể hiện anh N không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, chị T được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có một con chung là Chu Bích Th, sinh ngày 28-x-2016, hiện cháu Th đang ở cùng anh N. Chị T, anh N đều đề nghị giao cho anh N được trực tiếp nuôi con và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hương T được ly hôn anh Chu Đình N.

2. Về con chung: Giao cho anh Chu Đình N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chu Bích Th, sinh ngày 28-x-2016 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị Nguyễn Thị Hương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0009255 ngày 03-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hương T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Chu Đình N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh ;
- VKSND tp. Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Đ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Thị Kim Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Kim Anh

